

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 144/2020/TLST-VDS, ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1992
- Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1995

Đều có địa chỉ: Số nhà 09, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thu H kết hôn với nhau vào ngày 28/4/2016, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm không hòa hợp trong cuộc sống, mặc dù vợ chồng đã được người thân trong gia đình động viên và cố gắng tìm cách khắc phục nhưng tình cảm không được cải thiện. Nay anh T và chị H đều làm đơn đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung là: Nguyễn Đức B, sinh ngày 02/8/2017. Sau khi ly hôn anh T và chị H thỏa thuận giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi con

chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thảo thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thu H đều thỏa thuận anh T là người chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thu H.

* Về con chung: Các đương sự thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đức B, sinh ngày 02/8/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thảo thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

* Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0001222 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- UBND phường N. TP B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tú

